

Báo cáo

Phân tích Chuỗi Giá trị tiểu ngành Cao su tỉnh Quảng Bình

Nguyễn Trí Thanh



Tháng 12, 2006

NỘI DUNG

Giới thiệu chung.....	3
Phần 1 Tổng quan tiểu ngành cao su tại Việt Nam & Quảng Bình.	4
<i>Tổng quan tiểu ngành cao su tại Việt Nam.....</i>	4
<i>Thị trường cao su thế giới</i>	8
<i>Xuất nhập khẩu cao su Việt Nam</i>	10
<i>Tiểu ngành cao su tại Quảng Bình.....</i>	13
Phần 2 Vấn đề hỗ trợ phát triển tiểu ngành.....	16
<i>Những tổ chức hỗ trợ phát triển tiểu ngành.....</i>	16
<i>Một số chính sách liên quan đến phát triển tiểu ngành.....</i>	17
Phần 3 Phân tích chuỗi giá trị tiểu ngành cao su.....	18
<i>Xây dựng sơ đồ chuỗi theo chức năng.....</i>	19
<i>Phân tích giá trị gia tăng của tiểu ngành tại Quảng Bình.....</i>	21
<i>Sơ đồ chuỗi theo đối tượng</i>	22
<i>Các trở ngại và cơ hội của tiểu ngành.....</i>	23
<i>Một số kiến nghị.....</i>	24
Phụ lục.....	27

Trên những thành tựu của "Dự án An toàn lương thực" (ATLT) được hỗ trợ bởi Tổ chức hợp tác kỹ thuật Đức (GTZ) từ 1999 đến 2002 trên hai huyện miền núi Tuyên Hóa và Minh Hóa tỉnh Quảng Bình. Dự án "Quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên Miền Trung" (SMNR-CV) được tiếp nối thực hiện với mục tiêu chung là cải thiện điều kiện sống của người dân tại các vùng miền núi.

Dự án SMNR-CV đã chọn và thực nghiệm một phương pháp tiên tiến, đó là phương pháp Chuỗi giá trị (Value chain). Trên cơ sở chuỗi giá trị sẽ xác định, phân tích các tiểu ngành nông nghiệp tiềm năng ở địa phương và xây dựng kế hoạch hỗ trợ phát triển các tiểu ngành tiềm năng đó. Quá trình áp dụng phương pháp chuỗi giá trị đã mang lại tác động, qua đó số lượng các hộ tham gia tăng thu nhập khoảng 10%. Ngoài ra, mối liên hệ và trao đổi thông tin giữa nhiều đối tượng khác nhau trong chuỗi giá trị đã được tăng cường, và phương pháp chuỗi giá trị xem như một trong những phương pháp phù hợp nhất để phát triển các tiểu ngành.

Trong khuôn khổ triển khai tiếp dự án và chuẩn bị cho giai đoạn kết thúc dự án (từ 4/2007 đến 3/2010) ở phạm vi rộng hơn và mang lại tác động cao hơn, dự án SMNR-CV đã lựa chọn cao su như một tiểu ngành tiềm năng của Quảng Bình để phân tích và thúc đẩy sự phát triển. Báo cáo này đưa ra những phân tích ban đầu về chuỗi giá trị của tiểu ngành, với những nội dung chính sau:

- Thông tin cơ bản và tổng quan về tiểu ngành tại Việt Nam và Quảng Bình;
- Đánh giá về mức độ tham gia của các tổ chức và định chế hỗ trợ sự phát triển của tiểu ngành;
- Phân tích chuỗi giá trị tiểu ngành tại Quảng Bình;
- Một số kiến nghị ban đầu thúc đẩy phát triển tiểu ngành.

Báo cáo này sẽ được sử dụng làm đầu vào cho hội thảo với các bên liên quan nhằm phân tích chi tiết những chiến lược và hoạt động cụ thể để phát triển tiểu ngành.

Tổng quan tiểu ngành cao su tại Việt Nam & Quảng Bình

- a. Tổng quan tiểu ngành cao su tại Việt Nam
- b. Thị trường cao su thế giới
- c. Xuất nhập khẩu cao su Việt Nam
- d. Tiểu ngành cao su tại Quảng Bình

a. Tổng quan tiểu ngành cao su tại Việt Nam¹

Từ năm 1906 các đồn điền cao su đầu tiên được thành lập ở Đông Nam bộ, đến 1920 phát triển được 7.077 ha và sản lượng đạt 3.000 tấn. Năm 1923 cây cao su mới được trồng thử nghiệm ở Tây Nguyên và sau đó cây cao su mới được phát triển khá mạnh trong giai đoạn 1960 - 1962. Thời điểm này nhiều đồn điền cao su do bà Lê Xuân trồng ở hai tỉnh Đaklak và Gia Lai, nhưng sau đó lại bị gián đoạn do tình hình chiến tranh gay gắt ở miền Nam.

Trước 1975, để có nguyên liệu phục vụ cho nền công nghiệp ở miền Bắc, cây cao su đã được trồng vượt trên vĩ tuyến 170 Bắc (Quảng Trị, Quảng Bình, Nghệ An và Phú Thọ). Trong Những năm 1958 - 1963, bằng nguồn giống từ Trung Quốc hỗ trợ. Năm 1975, diện tích cây cao su còn khoảng 6.000 ha ở khu vực này. Sau năm 1975 cả nước còn lại khoảng 65.000 ha, phân bố ở Đông Nam Bộ khoảng 58.000 ha, Tây Nguyên khoảng 3.482 ha, các tỉnh miền Trung và khu 4 cũ khoảng 3.636. Sau chiến tranh cây cao su tiếp tục phát triển mạnh nhưng chủ yếu vẫn tập trung ở các tỉnh Đông Nam Bộ (Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Bà Rịa). Ở Tây nguyên bắt đầu phát triển trở lại từ 1977, nhưng chỉ tập trung cho một số nông trường của quân đội trồng. Đến năm 1985 cao su được trồng phổ biến ở Tây Nguyên do các doanh nghiệp nhà nước đầu tư.

Năm 2005, cả nước có khoảng 478.600 ha cao su và sản lượng đạt 513.100 tấn, trong đó diện tích cao su quốc doanh là 283.700 ha, sản lượng 441.900 tấn. Còn lại là cao su tiểu điền 194.900 ha và sản xuất được 71.600 tấn. Hiện nay, Việt Nam là nước xuất khẩu lớn đứng thứ 4 sau Thái Lan, Indonesia và Malaysia. Với kết quả này, cao su trở thành mặt hàng nông sản xuất khẩu có giá trị xếp thứ 2 sau lúa gạo trong năm 2005, chiếm 2,5% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam.

Chính phủ Việt Nam có kế hoạch phát triển đến 700.000 ha vào 2010 đến 2020 và diện tích trồng mới tập trung vào cao su tiểu điền. Có triển vọng ngành cao su Việt Nam sẽ sản xuất được 700.000 tấn vào năm 2010 và trên 1 triệu tấn vào năm 2020. Kế hoạch trồng tái canh sẽ cung cấp gỗ cao su khoảng 500.000 m³/năm vào 2010 và 1.000.000 m³/năm vào 2020.

¹ Lê Gia Trung Phúc, Viện Nghiên cứu Cao su, 2006

Bảng 1: Diện tích trồng cao su tại Việt Nam

Sector	1999	2000	2001	2002	2003	2004	2005 ²
Đồn điền Nhà nước	287,432	277,285	274,748	281,159	285,382	284,995	
Tỷ lệ (%)	72.79	67.3	66.08	65.57	64.74	62.76	
Tiểu điền	107,468	134,705	141,035	147,635	155,409	169,080	
Tỷ lệ (%)	27.21	32.70	33.92	34.43	35.26	37.24	
Tổng diện tích	394,900	411,990	415,783	428,794	440,791	454,075	464,875
Tổng sản lượng (tấn)	248,700	290,800	312,600	331,400	363,500	402,207	509,800

Sự mở rộng diện tích cao su trong những năm qua là nhờ sự tăng trưởng của cao su tiểu điền. Diện tích cao su tiểu điền tăng từ 27.2% vào năm 1999 đến 37.2% vào năm 2004. Với mục tiêu 700,000 ha vào năm 2020, cao su tiểu điền sẽ tiếp tục tăng trưởng với những lý do sau:

- (i) Chính sách của Chính phủ trong việc thúc đẩy phát triển cao su tiểu điền;
- (ii) Giá cao su liên tục tăng trong những năm gần đây thúc đẩy nông dân chuyển sang trồng cao su;
- (iii) Thiếu đất cho việc phát triển những đồn điền quy mô lớn.

Năm 2005, Việt Nam đứng thứ 3 thế giới về sản xuất và xuất khẩu cao su thiên nhiên. Theo Tổng Công ty Cao su Việt Nam (GERUCO), nhờ giá cao su tăng nên toàn ngành đã đạt mức lợi nhuận ba ngàn tỷ đồng vào năm 2005, tăng 786 tỷ so với năm 2004 và hơn 17 lần so với năm 2001. Năng suất của GERUCO đạt hơn 1.7 tấn trên ha, đặc biệt có 9 công ty thành viên đạt 1.81 tấn trên ha.

Từ năm 2002, nhu cầu cao su thế giới tăng mạnh nên giá có xu hướng tăng cao. Giai đoạn 2004-2005, giá cao su tăng gấp đôi mức năm 2001. Giai đoạn 1985-1990, cao su Việt Nam chỉ bán ở mức 10 triệu đồng/tấn thì đến nay đã đạt mức 30 triệu đồng/tấn. Trên 100,000 đang làm việc trong tiểu ngành cao su với mức thu nhập trung bình 2,5 triệu đồng/tháng.

Những đơn vị chính hoạt động trong tiểu ngành

Những doanh nghiệp lớn phải kể đến Tổng Công ty Cao su Việt Nam (GERUCO) với 36 công ty thành viên; Tổng Công ty hóa chất Việt Nam với các đơn vị thành viên lớn như CASUMINA - HCM, Danang Rubber Company - DRC, Sao Vàng Rubber Company - Hanoi, YOKOHAMA Tires JV, INOUE Rubber Vietnam); Dau Tieng Rubber Company (Binh Duong Province); Dak Lak Rubber Company (Daklak); Joint Venture Company Visorutex (HCM); Binh Long Rubber Company; RUBICO; GERUSPORT company; Kym Dan Rubber JSC (HCM); Tay Ninh Co., Ltd (Tay Ninh Province)...

Ngoài những đơn vị lớn trên, có một số lượng lớn cao su tiểu điền và các doanh nghiệp tư nhân hoặc thương nhân thu mua và chế biến mủ cao su để xuất khẩu.

Những sản phẩm chính của tiểu ngành

Sản phẩm của tiểu ngành có thể chia thành các nhóm sau:

² Theo dự tính của Hiệp hội cao su Việt Nam, 10/2006

- (i) Giống cây cao su;
- (ii) Mủ cao su (cao su ly tâm)³
- (iii) Cao su định chuẩn kỹ thuật (TSR)⁴ - thường được gọi là cao su tiêu chuẩn Việt Nam (SVR - xem Hộp 1). Đây là nhóm sản phẩm chính của tiểu ngành;
- (iv) Sản phẩm từ gỗ cao su: bàn, tủ, giường...;
- (v) Săm lốp ô tô, xe máy, xe đạp;
- (vi) Các sản phẩm khác như ủng, găng tay, ống nước, bao cao su, băng truyền hoặc thiết bị y tế có chất liệu cao su....

Hộp 1 - Các dạng cao su TSR

SVR-10: Cao su SVR10 là loại cao su chất lượng cao dùng trong sản xuất những sản phẩm dạng khuôn mẫu;

SVR-10CV: là loại cao su tự nhiên dùng trong ngành sản xuất săm lốp;

SVR-20: đây là loại cao su được dùng chủ yếu trong chế biến hợp chất cao su và sản xuất săm lốp;

SVR20CV: là loại cao su chất lượng thấp hơn, do nông dân/tiểu điền lấy mủ;

SVR-5: loại cao su này thường được sử dụng trong việc chế tạo những thiết bị chống rung trong ngành công nghiệp ô tô;

SVR-CV: được sử dụng chế biến các hợp chất polymer, keo dính công nghiệp...;

SVR-GP: được sử dụng chính trong sản xuất lốp xe, bóng tennis hoặc hợp chất cao su;

SVR-L: đây là loại cao su chất lượng cao, ít tạp chất và được sử dụng trong các quá trình công nghệ.

Nguồn: Tổng Công ty Cao su VN

Khoảng 90% cao su định chuẩn kỹ thuật (TSR) được xuất khẩu và chỉ khoảng 10% được tiêu thụ trong nước. TSR là đầu vào cho các sản phẩm:

- Săm lốp: CASUMINA, DRC, Sao Vàng, YOKOHAMA, INOUE... là những nhãn hiệu chính trên thị trường này tại Việt Nam;

Hình 1. Ví dụ về sản phẩm săm lốp



- Các sản phẩm ngoài săm lốp (ủng, găng tay, ống nước, bao cao su, băng truyền hoặc thiết bị y tế có chất liệu cao su...): một số doanh nghiệp lớn có đơn vị và dây

³ Xem phụ lục 1 về tiêu chuẩn cao su ly tâm

⁴ Xem phụ lục 2

chuyên sản xuất những sản phẩm này như VIREGUCO, Tổng Công ty hóa chất Việt Nam...

Hình 2. Ví dụ sản phẩm ngoài săm lốp



Cây cao su sau 25-30 khai thác sẽ được đốn lấy gỗ dùng trong sản xuất các sản phẩm gỗ như tủ, giường, bàn, ghế...

Hình 3. Ví dụ về sản phẩm gỗ cao su



ERROR: undefined
OFFENDING COMMAND: f'~

STACK: